

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 9 - 2024.

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

2. Ông Huỳnh Cao Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hoàng Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Q tham gia phiên tòa:
Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 95/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 27/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 117/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm X, sinh năm 1960. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 6, thôn An Tây, xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Bà Vũ Thị Kim Th, sinh năm: 1969. Vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Xóm 1, thôn An Bình, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 26/2/2024, bản tự khai ngày 03/5/2024 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Phạm X trình bày:

Ông và cô Vũ Thị Kim Th trước khi kết hôn có tìm hiểu yêu đương, đến ngày 24/3/1992 đến UBND xã N, huyện T để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông bà sống rất hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là không chung tay xây dựng

hạnh phúc, hai vợ chồng tự chia của cải làm riêng, cãi vã, xô xát lẫn nhau. Từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Vũ Thị Kim Th.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Vũ Nh, sinh ngày 15/01/1994 và Phạm Thị Mỹ D, sinh ngày 20/5/1996, hiện nay 02 con đã trưởng thành tự lo được cho bản thân không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Theo bản trình bày ngày 03/5/2024 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Vũ Thị Kim Th trình bày:

Bà và ông Phạm X trước khi kết hôn có tìm hiểu yêu đương, đến ngày 24/3/1992 ông bà đến UBND xã N, huyện T để làm thủ tục đăng ký kết hôn, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, ông bà sống rất hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về tiền bạc từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, vợ chồng sống ly thân từ năm 2000 cho đến nay.

Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà Th đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Vũ Nh, sinh ngày 15/01/1994 và Phạm Thị Mỹ D, sinh ngày 20/5/1996, hiện nay 02 con đã trưởng thành tự lo được cho bản thân không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng các Điều 70, 71; Bị đơn không thực hiện đúng theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn vắng mặt phiên tòa lần 2 không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm X được ly hôn bà Vũ Thị Kim Th.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Vũ Nh, sinh ngày 15/01/1994 và Phạm Thị Mỹ D, sinh ngày 20/5/1996, hiện nay đã trưởng thành không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ngày 08/5/2024 bà có đơn khởi kiện phản tố yêu cầu chia tài sản chung. Ngày 10/5/2024 Tòa án có Thông báo số: 173/TB-TA về

việc yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện phản tố, bà Th đã nhận vào ngày 13/5/2024, nhưng bà không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện phản tố. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét chia tài sản chung trong vụ án này. Nếu sau này quyền lợi của các đương sự bị xâm phạm thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí: Ông Phạm X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, tuy nhiên ông Phạm X tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện T, tỉnh Q. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt: Toà án triệu tập hợp lệ nhưng bà Vũ Thị Kim Th vắng mặt phiên tòa lần 2 không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm X và bà Vũ Thị Kim Th có đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/1992 tại UBND xã N, huyện T. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ được quy định tại các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo lời trình bày của ông X, bà Th, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế tiền bạc nên bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2000 đến nay ông, bà sống ly thân không quan tâm lẫn nhau. Ông X xét thấy tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với bà Th, bà Th đồng ý.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ nhưng ông và bà không làm được. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế tiền bạc, nên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông X, bà Th sống ly thân từ năm 2000 đến nay. Xét tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. ông X yêu cầu giải quyết ly hôn, bà Th đồng ý. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đơn khởi kiện của Phạm X được ly hôn bà Vũ Thị Kim Th.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Vũ Nh, sinh ngày 15/01/1994 và Phạm Thị Mỹ D, sinh ngày 20/5/1996, hiện nay 02 con đã trưởng

thành tự lo được cho bản thân, ông X, bà Th không yêu cầu Toà giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tại bản tự khai ngày 03/5/2024 bà Vũ Thị Kim Th không yêu cầu giải quyết, đến ngày 08/5/2024 bà có đơn khởi kiện phản tố yêu cầu chia tài sản chung. Ngày 10/5/2024 Toà án có Thông báo số: 173/TB-TA về việc yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện phản tố, bà Th đã nhận vào ngày 13/5/2024. Đến ngày 29/7/2024 bà Th có bản trình bày sẽ làm đơn khởi kiện phản tố bổ sung đến ngày 08/8/2024 và nộp cho Toà án, nếu trong thời gian trên bà không sửa đổi bổ sung đơn phản tố thì coi như bà không có đơn khởi kiện phản tố. Tại biên bản hoà giải ngày 21/8/2024, ông X, bà Th không yêu cầu Toà giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đối với tài sản chung của ông, bà. Nếu sau này ông, bà thấy quyền lợi của mình bị xâm phạm trong khối tài sản chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Phạm X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 khoản 3 Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 2 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm X được ly hôn bà Vũ Thị Kim Th.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Vũ Nh, sinh ngày 15/01/1994 và Phạm Thị Mỹ D, sinh ngày 20/5/1996, hiện nay 02 con đã trưởng thành tự lo được cho bản thân, ông X, bà Th không yêu cầu Toà giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Ông Phạm X thuộc trường hợp miễn tiền án phí sơ thẩm tuy nhiên ông tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Phạm X đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001949 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Q.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã N;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Thông